

Bản án số: 129/2024/DS - ST

Ngày: 27-12-2024

V/v “*Tranh chấp về chia thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Kiều Công Trường

Ông Phạm Văn Út

*Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về chia thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2024/QĐXXST-DS, ngày 27/11/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn Tấn T, sinh năm 1968

ĐKTT: 249/4F ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ liên lạc: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

Ông T ủy quyền cho bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966 (vắng mặt không lý do)

Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1974(vắng mặt không lý do)

Nguyễn Đức T2, sinh năm 1989(vắng mặt không lý do)

Nguyễn Anh T3, sinh năm 2000(vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị V, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

Nguyễn Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: khu phố D thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương

Nguyễn Văn T4, sinh năm 1979

Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp F, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T4 cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 06/10/2023 và ngày 30/01/2024 và đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi đề ngày 24/4/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tấn T ủy quyền cho bà Trần Thị Thanh T1 trình bày: Nguồn gốc phần đất, ông T đang tranh chấp với ông Đ, bà Kim E là của cha ông Nguyễn Văn L và mẹ ông là bà Lê Thị B, sau khi cha mẹ chết để lại không có di chúc phần đất thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 10 diện tích 6807,2m<sup>2</sup> tọa lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, cha mẹ có tất cả 5 người con: 1 Nguyễn Văn B1 (chết 2000) ông B1 có 03 người con gồm: H, T4, P; 2 Nguyễn Thị V1; Nguyễn Văn N (chết lúc còn nhỏ); 4 Nguyễn Văn Đ; 5 Nguyễn Văn Tấn T; thời điểm cha mẹ ông chết thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã đăng ký kê khai, bản thân ông T đi làm ăn xa, chị ông và các cháu ít hiểu biết pháp luật nên ông Nguyễn Văn Đ tự kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi không có sự đồng ý của chúng tôi và chúng tôi cũng không hay biết. Đến*

năm 2015 tôi trở về quê (trước đây tôi lao động nước ngoài) thì ông Nguyễn Văn Đ chia cho ông khoảng 2000m<sup>2</sup> thuộc phần đất nêu trên cho tôi quản lý canh tác. Từ đó tôi vẫn quản lý canh tác, trồng cây cải tạo đất và hưởng huê lợi nhưng chưa tách sổ được lý do là ông Đ cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp ngân hàng khi nào lấy sổ về thì làm thủ tục tách sổ. Nhưng đến tháng 3/2021 thì ông Đ vào chiếm lại đất và cho rằng đất này là thuộc quyền sử dụng của ông. Tôi xét thấy đất này là của cha mẹ để lại chưa chia, do đó tôi yêu cầu Tòa án chia thừa kế, theo pháp luật và tôi yêu cầu được chia 2000m<sup>2</sup> từ phần đất trước đây tôi canh tác, nay thuộc thửa 187B. Cây trồng trên đất này trước đây do cha tôi trồng và một phần do tôi trồng. Và theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/10/2023 và 30/01/2024 thì ông T cho ông rằng vào năm 1988 ông có mua của bà Đ2 một phần đất 700m<sup>2</sup> để cho ông Đ quản lý canh tác. Sau đó ông Đ tự đi kê khai đăng ký cùng thửa 187 do đó nay tôi khởi kiện bổ sung là yêu cầu ông Đ phải trả lại cho tôi 700m<sup>2</sup> đất của tôi mua trước đây phần còn lại của thửa đất này chia thừa kế theo pháp luật, yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ và bà E. Ông yêu cầu được nhận từ vị trí 187B theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất. Ngày 24/4/2024, ông T có đơn xin rút lại phần yêu cầu đối với 700m<sup>2</sup>, không yêu cầu ông Đ bà E phải trả lại phần đất này, các yêu cầu khác ông vẫn giữ nguyên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim E, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Anh T3 trong khi đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt không hợp tác với tòa án và có hành vi chống đối quyết liệt kể cả những lần thẩm định ông Đ điều có mặt nhưng không có ký tên vào biên bản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V có văn bản trình bày ý kiến có yêu cầu từ chối tham gia tố tụng, từ chối nhận di sản thừa kế và có yêu cầu tòa giải quyết vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn P thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B1 và có yêu cầu độc lập trình bày: Ông Nguyễn Văn B1 là cha của chúng tôi con ông L và bà B. Ông L, bà B chết không có để lại di chúc mà có để lại phần đất có diện tích 6807,2m<sup>2</sup> hiện nay do ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được sự

đồng ý của các anh em và chúng tôi, do đó chúng tôi yêu cầu được chia 2269m<sup>2</sup> tại vị trí thuộc thửa 187A tờ bản đồ số 10 và yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã công nhận cho ông Đ, bà E, cây trồng trên đất là do ông L (ông nội) của chúng tôi trồng. Tại phiên tòa hôm nay ông P yêu cầu nhận 2.000m tại thửa đất nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán thụ lý vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26 đến Điều 40, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 BLTTDS 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS -2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 73, 86 BLTTDS.

Các bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do là chưa nghiêm túc chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ Luật tố tụng dân sự

Nội dung vụ án:

Căn cứ các điều 21, 26, 35, 36, 39, 217, 259 BLTTDS; các Điều 609, 611, 613, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 220 Luật đất đai năm 2024 và Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, về quy định tách thửa đất; đề xuất giải quyết:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn Tấn Tâm về yêu cầu chia thửa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật. phần đất được chia cho nguyên đơn Nguyễn Văn T5 Tâm được xác định ở vị trí thửa ký hiệu 187B có diện tích là 2.000 m<sup>2</sup>; buộc Nguyễn Văn Đ và các thành viên trong hộ của ông Đ có nghĩa vụ giao lại cho Nguyễn Văn T5 Tâm phần đất nêu trên

Chấp nhận yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn P về việc yêu cầu được nhận phần thừa kế của ông Nguyễn Văn B1. Phần đất được chia cho Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn P ở vị trí thửa đất ký hiệu 187A có diện tích 2.000 m<sup>2</sup>; buộc Nguyễn Văn Đ và các thành viên trong hộ của ông Đ có nghĩa vụ giao lại cho Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn P phần đất nêu trên.

Đối với cây trồng và vật kiến trúc có liên quan trên phần đất mà những người được nhận thừa kế: nếu người nào được nhận phần đất có liên quan đến cây trồng gì gắn liền với phần đất được nhận thì sẽ được hưởng luôn cây trồng đó mà không tính phân chia giá trị.

Đối với phần diện tích đất còn lại của thửa 187 tờ bản đồ số 10, cùng với cây trồng và vật kiến trúc gắn liền trên đất hiện bị đơn Nguyễn Văn Đ đang quản lý, sử dụng sẽ giao cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1 tiếp tục quản lý, sử dụng.

Đối với việc nguyên đơn Nguyễn Văn Tấn T rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc yêu cầu ông Đ, bà Kim E trả lại 700 m<sup>2</sup> mua của bà Nguyễn Thị Đ2, thuộc một phần thửa 187 tờ bản đồ số 10. Căn cứ Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ giải quyết nội dung yêu cầu này;

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chừa ra một lối đi chung thích hợp cho những người được sử dụng đất để đảm bảo cho việc sử dụng đất và việc tách thửa đất phù hợp với Điều 220 Luật đất đai năm 2024 và Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, về quy định tách thửa đất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe các trình bày của đương sự, sau khi nghe phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thảo luận nghị án nhận định:

Đây là vụ án tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất theo bên trình bày của đại diện ủy quyền nguyên đơn thì ông L (chết 1992), bà ba (chết 1968) có tất cả 5 người con gồm ông B1 (chết 2000), bà V, ông N (chết lúc còn nhỏ), ông Đ và ông T. Ông L, bà B có để lại 6807,2m<sup>2</sup> đất không có để lại di chúc, ông Đ là người trực tiếp quản

lý vào thời điểm đó ông T đi hợp tác lao động ở nước ngoài các con ông B1 thì không có ở cùng địa phương. Bà V thì được cho đất, do đó ông Đ tự đi kê khai đăng ký và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tất cả anh em chúng tôi không hay biết và cũng không có sự đồng ý của chúng tôi. Sau khi tôi trở về quê nhà thì ông Đ có giao cho 2 bờ vườn khoảng 2000m<sup>2</sup> vào năm 2015 tôi quản lý canh tác, cải tạo trồng cây, hưởng huê lợi vào thời đó ông Đ cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp vay ở ngân hàng nhưng đến năm 2021 ông Đ vào chiếm lấy đất lại, tôi có yêu cầu chính quyền giải quyết nhưng ông Đ cũng không đồng ý. Trước đây tôi có khởi kiện bổ sung là yêu cầu ông Đ phải trả lại tôi 700m<sup>2</sup> đất vì đất này tôi mua của bà Đ2 vào năm 1988 phần còn lại thì chia thừa kế theo pháp luật nhưng sau đó tôi có đơn xin rút lại yêu cầu trả lại tôi 700m<sup>2</sup>. Nay tôi yêu cầu tòa giải quyết buộc ông Đ phải chia cho tôi 2000m<sup>2</sup> đất của cha mẹ để lại và yêu cầu điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ và bà Kim E, cây rông trên đất có một phần là do tôi trồng và một phần của cha tôi trồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V có trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Tôi là con của ông L và bà B. Khi ông L còn sống cha mẹ đã có cho đất cho tôi rồi, do đó tôi không yêu cầu chia thừa kế phần đất hiện nay do cha mẹ để lại, tôi không có ý kiến gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T4 có ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Chúng tôi là con ông B1 (chết năm 2000) có yêu cầu độc lập vì đất ông Đ đang quản lý là có phần thừa kế của cha chúng tôi do ông L, bà B chết để lại không có di chúc nhưng cha chúng tôi đã chết nên chúng tôi yêu cầu ông Đ, bà Kim E phải chia cho chúng tôi phần thừa kế của cha chúng tôi để lại là 2200m<sup>2</sup> tại thửa 187 và theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất đã có trong quá trình giải quyết vụ án. Cây rông trên đất là của ông nội chúng tôi trồng nên chúng tôi không bồi thường.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, có hành vi chống đối cản trở trong việc thẩm định định giá, không hợp tác với Tòa án nên không cung cấp bất kỳ văn bản chứng cứ gì cho Tòa án.

Xét nguồn gốc phần đất đang tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị B chết có để lại di sản là quyền sử dụng

đất thuộc các thửa số 654, 655, cùng tờ bản đồ số 2 do ông Nguyễn Văn Đ kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/3/1997 có tổng diện tích là 6.887 m<sup>2</sup> ( trong đó 300 m<sup>2</sup> đất thổ cư và 6.507,2 m<sup>2</sup> là đất CLN). Đến ngày 10/6/2014 thì ông Nguyễn Văn Đ kê khai cấp đổi lại có thửa mới là thửa số 187 tờ bản đồ số 10, diện tích 6.807,2 m<sup>2</sup> (trong đó có 300 m<sup>2</sup> đất thổ cư và 6.507,2 m<sup>2</sup> là đất CLN). Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định: Di sản ông L, bà B chết để lại là thửa đất số 187 tờ bản đồ số 10, diện tích 6807,2 m<sup>2</sup>. Do đó, nếu phân chia diện tích đất này cho 03 người được hưởng thừa kế như đã nêu trên thì bình quân mỗi kỹ phần có diện tích là  $6.807,2 \text{ m}^2 : 3 = 2.269,06 \text{ m}^2$ . Riêng về cây trồng và vật kiến trúc gắn liền trên đất thì do trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Đ không hợp tác, không đồng ý để cho Tòa án tiến hành đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ, do đó không xác định được cụ thể cây trồng và vật kiến trúc có trên đất nên không đủ điều kiện để xem xét phân chia di sản thừa kế một cách đầy đủ, chính xác và toàn diện. Tuy nhiên, tại Tòa nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất trình bày: Nếu được phân chia phần đất có liên quan đến cây trồng gì thì sẽ tiếp tục quản lý sử dụng các cây trồng đó mà không cần tính giá trị để phân chia. Nguyên đơn Nguyễn Văn Tấn T yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 2000m<sup>2</sup> cây lâu năm ở vị trí theo trích lục họa đồ địa chính là từ cạnh số 6 đến cạnh 7, 8, 9, 10, phần đất giáp thửa 175, 152, 143 và một phần đất phía trước phần đất 700m<sup>2</sup> của bà Đ2 bán cho tôi, giáp với căn nhà của ông Đ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn P có yêu cầu độc lập với nội dung yêu cầu được nhận 2.269m<sup>2</sup> thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre do hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim E đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ; loại đất chúng tôi yêu cầu được nhận là đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Nay chỉ yêu cầu được nhận 2.000m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Xét thấy nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 2.000m<sup>2</sup> là nhỏ hơn một kỹ phần được chia nên có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn Đ không hợp tác, không cho tiến hành đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ nên ngày 06/5/2024 Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã có công văn số 593/CV-TA gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M yêu cầu cắt bản vẽ, trích xuất họa đồ hiện trạng theo yêu cầu của các đương sự dựa trên hồ sơ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 187 tờ bản đồ số 10, diện tích 6.807,2 m<sup>2</sup>, để làm căn cứ giải quyết vụ án. Căn cứ vào họa đồ thửa đất số 187 tờ bản đồ số 10, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M xác lập ngày 04/6/2024 thì phần đất đương chia cho nguyên đơn Nguyễn Văn T5 Tâm được xác định ở vị trí thửa ký hiệu 187B có diện tích là 2.000m<sup>2</sup>; Phần đất được giao cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn P được xác định ở vị trí thửa đất ký hiệu 187A có diện tích 2.000m<sup>2</sup> (Có tứ cận theo sơ đồ hiện trạng) điều có lối đi. Về cây trồng và vật kiến trúc trên đất: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 17/11/2022, xác định: Phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 187 tờ bản đồ số 10 diện tích 6.807,2m<sup>2</sup> (Có 300 m<sup>2</sup> đất thổ cư) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, trên đất có ngôi nhà cây tạp, có dừa và cây tạp do cha mẹ ông T trồng; số cây thực tế không kiểm tra được, do bị đơn chống đối, cản trở, khóa cổng rào, không vào được bên trong. Ngoài ra không có cây trồng và vật kiến trúc gì khác.

Tại tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Văn Tấn T và ông Nguyễn Văn P đại diện cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất được với nhau về việc phân chia cây trồng và vật kiến trúc trên đất; nếu người nào được nhận phần đất có liên quan đến cây trồng gì gắn liền với phần đất được nhận thì sẽ được hưởng luôn cây trồng đó mà không tính phân chia giá trị nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với phần diện tích đất còn lại của thửa 187 tờ bản đồ số 10, cùng với cây trồng và vật kiến trúc gắn liền trên đất hiện do hộ ông Nguyễn Văn Đ đang trực tiếp quản lý, sẽ giao cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1 tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp. Đối với việc nguyên đơn Nguyễn Văn Tấn T rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc yêu cầu ông Đ, bà Kim E trả lại 700m<sup>2</sup> mua của bà Nguyễn Thị Đ2, thuộc một phần thửa 187 tờ bản đồ số 10. Căn cứ Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết nội dung yêu cầu này là phù hợp.

Do yêu cầu của nguyên đơn cũng như người có yêu cầu độc lập được chấp



nhận nên phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả định giá ngày 17/11/2022:

Đất ở giá 700.000 đồng;

Đất trồng cây lâu năm giá 500.000 đồng

Ông Nguyễn Văn Tấn T nhận diện tích  $2.000\text{m}^2 \times 500.000$  đồng = 1.000.000.000 đồng nên phải chịu án phí của số tiền 1.000.000.000 đồng là 42.000.000 đồng

Bà Nguyễn Thị H; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Văn P nhận diện tích  $2.000\text{m}^2 \times 500.000$  đồng = 1.000.000.000 đồng nên phải liên đới chịu án phí của số tiền 1.000.000.000 đồng là 42.000.000 đồng.

Chi phí tố tụng: (chi phí đo đạc, định giá, trích lục) số tiền 4.697.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của các đương sự được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Tấn T phải chịu 1.566.000 đồng, ông Nguyễn Văn Đ ,bà Nguyễn Thị Kim E, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Anh T3 phải liên đới chịu 1.566.000 đồng; bà Nguyễn Thị H; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Văn P phải liên đới chịu 1.566.000 đồng. Do ông Nguyễn Văn Tấn T đã tạm nộp 10.000.000 đồng nên ông Nguyễn Văn Đ ,bà Nguyễn Thị Kim E, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Anh T3 phải liên đới trả 1.566.000 đồng cho ông T; bà Nguyễn Thị H; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Văn P phải liên đới trả 1.566.000 đồng ông T. Ông Nguyễn Văn Tấn T được nhận lại tiền chi phí tố tụng còn thừa 5.303.000 đồng Tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các điều 21, 26, 35, 36, 39, 217, 228, 259 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 609, 611, 613, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ Luật dân sự; Điều 220 Luật đất đai năm 2024.

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Tấn T đối với ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim E, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Anh T3.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim E, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Anh T3 phải chia cho ông T 2000m<sup>2</sup> thuộc thửa 187B, tờ bản đồ 10, tọa lạc ấp T, xã K, huyện M, Bến Tre. Phần đất có tư cận:

Phía Bắc giáp phần đất còn lại của ông Đ,

Phía Nam giáp thửa 547 548,

Phía Đông giáp thửa 213,

Phía Tây giáp thửa 283 284

(có họa đồ kèm thêm)

Chấp nhận phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Văn P đối với ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim E, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Anh T3. Buộc ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim E, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Anh T3 phải chia cho ông T4, bà H ông Phương diện T6 đất 2000m<sup>2</sup> thuộc thửa 187A, tờ bản đồ 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, Bến Tre phần đất có tư cận:

Phía Bắc giáp thửa 152,

Phía Nam giáp thửa 213,

Phía Đông giáp thửa 175 và 194,

Phía Nam giáp thửa 1432 và 178

(có họa đồ kèm theo)

Cây trồng trên đất ông Nguyễn Văn Tấn T7; bà Nguyễn Thị H; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Văn P được hưởng không phải bồi thường cho ông Đ.

Ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim E, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Anh T3 được tiếp tục quản lý diện tích đất 2.807,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 178, tờ bản đồ 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Đình chỉ yêu cầu đòi lại diện tích đất 700m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Văn Tấn T đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim E, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Anh T3, thuộc thửa 187, tờ bản đồ 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, Bến Tre.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim E theo bản án.

Ông Nguyễn Văn Tấn T7; bà Nguyễn Thị H; Nguyễn Văn T4;

Nguyễn Văn P được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Ông Nguyễn Văn Tấn T phải chịu án phí là 42.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 4.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004895 ngày 24/01/2022 và số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005381 ngày 06/10/2023 nên ông Nguyễn Văn Tấn T còn phải nộp thêm số tiền 37.700.000 đồng

Bà Nguyễn Thị H; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Văn P phải liên đới chịu án phí là 42.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông P, ông T4, bà H đã nộp 4.537.000 đồng theo biên lai thu số 0005005 ngày 10/3/2022 nên bà Nguyễn Thị H; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Văn P còn phải liên đới nộp thêm 37.463.000 đồng

Chi phí tố tụng: (chi phí đo đạc, định giá, trích lục) số tiền 4.697.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của các đương sự được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Tấn T phải chịu 1.566.000 đồng, ông Nguyễn Văn Đ ,bà Nguyễn Thị Kim E, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Anh T3 phải liên đới chịu 1.566.000 đồng; bà Nguyễn Thị H; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Văn P phải liên đới chịu 1.566.000 đồng. Do ông Nguyễn Văn Tấn T đã tạm nộp 10.000.000 đồng nên ông Nguyễn Văn Đ ,bà Nguyễn Thị Kim E, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Anh T3 phải liên đới trả 1.566.000 đồng cho ông T; bà Nguyễn Thị H; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Văn P phải liên đới trả 1.566.000 đồng ông T. Ông Nguyễn Văn Tấn T được nhận lại tiền chi phí tố tụng còn thừa 5.303.000 đồng Tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Đĩnh**



